

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Lên;
- Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 2000;

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lê Văn T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 28/3/2019. Đời sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; không quan tâm nhau; vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Q và ông T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 18/12/2017, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được nuôi con; yêu

cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung với ông T.

Bị đơn Lê Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đương sự không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông T vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, yêu cầu được nuôi con; yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng; thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2025 đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi.

Bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Lệ Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T. Căn cứ theo Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Q yêu cầu ly hôn với ông T, yêu cầu được nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông T không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lê Văn T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 28/3/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q với ông T do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp; tính tình không hợp nhau; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Q với ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà Q là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Lê Văn T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 18/12/2017, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, từ khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì cháu T1 do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, đã ổn định đời sống, tinh thần, việc học hành và theo nguyện vọng của cháu T1 muốn được sống với mẹ, nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu T1 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng không thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng (thị xã K thuộc vùng 2, với mức lương tối thiểu là 4.410.000 đồng/tháng, theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ), nhưng bà Q chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là tự nguyện; phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng cho đến khi con chung thành niên là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Bà Q và ông T đều không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà Q xác định không có nợ chung với ông T nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bà Q phải chịu án phí ly hôn; ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ Q đối với ông Lê Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Lệ Q được ly hôn với ông Lê Văn T.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Lệ Q với ông Lê Văn T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 18/12/2017, giới tính: Nam; bà Q đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà Q có quyền trực tiếp nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Tấn T1 là 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Đương sự xác định không có nợ chung với nhau nên không giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Lệ Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên số 0002834 ngày 06 tháng 3 năm 2025 của C cục Thi hành án dân sự thị xã K sang thi hành án phí.

Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- UBND xã Vĩnh Châu A, Tân Hưng, Long An.
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương